

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2022

*V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Khôi
2. Bà Nguyễn Thị Mến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Xuân Quỳnh – Thẩm tra viên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Kim Quang Phong– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thạch T, sinh năm 1969. “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Thạch Thị H, sinh năm 1975. “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã C, huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà Thạch Thị U “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2022 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thạch T trình bày: Ông và bà Thạch Thị H kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/01/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại ấp T, xã C, huyện R, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng chung sống được khoảng 25 năm lúc đầu cũng hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, tH xuyên cự cãi nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 01 năm

2019 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với bà Thạch Thị H.

Về con chung: có 02 con chung tên Thạch Sơn N, sinh ngày 15/8/1997 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Thạch B, sinh ngày 23/4/2013 hiện đang sống chung với ông, nay ông yêu cầu được nuôi cháu Bách không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của ông Thạch T, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn bà Thạch Thị H không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt, người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện P phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Các điều 9, 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch T.

Về hôn nhân: Xử cho ông Thạch T được ly hôn với bà Thạch Thị H.

Về con chung: Giao cháu Thạch N, sinh ngày 23/4/2013 cho ông Thạch T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Thạch Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Thạch T.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Thạch T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Thạch Thị H, có địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn bà Thạch Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Ông Thạch T và bà Thạch Thị H kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 07/01/1995 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 0II, quyển số I và ông T, bà H kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của ông T cho rằng: Quá trình chung sống có hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn sống từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn. Xét lời trình bày ông T phù hợp với lời khai của người làm chứng. Mặt khác, việc yêu cầu ly hôn của ông T thì bà H không có ý kiến gì. Từ đó, xét thấy lời trình bày của ông T là căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

**[3] Về con chung:** Có 02 con chung tên: Thạch Sơn N, sinh ngày 15/8/1997 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt vấn đề giải quyết; Đối với cháu Thạch N, sinh ngày 23/4/2013 hiện đang sống chung với ông T, ông T yêu cầu được nuôi cháu Bách không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xem xét cháu Thạch N, sinh ngày 23/4/2013 hiện đang sống chung với ông T từ khi ông T, bà H ly thân cho đến nay, cháu Bách đang được học hành cuộc sống ổn định. Mặc khác Cháu Bách có ý kiến nêu như cha, mẹ ly hôn thì nguyện vọng được chung sống với ông T nên việc giao cháu Bách cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thạch T là người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T phải nộp 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, cho ông Thạch T là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch T.

1. Về hôn nhân:

Xử cho ông Thạch T được ly hôn với bà Thạch Thị H.

2. Về con chung:

Giao cháu Thạch N Bách, sinh ngày 23/4/2013 cho ông Thạch T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Thạch Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Thạch T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**ĐÃ KÝ**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện P;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C,  
(Giấy kết hôn số: 0II ngày 07/01/1995);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Hoàng Phong**